TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-PT
Ngày: 22 - 7 - 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai;

Ông Thái Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Ánh H, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Tân Hiệp A, thị trấn E, huyện S, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1947;
2. Anh Lê Văn N, sinh năm 1985;
3. Chị Lao Thị V, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số 378 ấp L, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa các đương sự cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tôn Nữ Ánh H trình bày: Bà có cho bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N và chị Lao Thị V vay tiền như sau: Ngày 10/02/2016 (al) cho vay 27.020.000 đồng, thỏa thuận trả góp một tuần 1.000.000 đồng, số tiền phải góp là 31.000.000

đồng. Ngày 10/3/2016 (al) cho vay 33.240.000 đồng, thỏa thuận trả góp một tuần 2.000.000 đồng, số tiền phải góp là 42.000.000 đồng. Ngày 20/5/2016 (al) cho vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp một ngày 240.000 đồng, số tiền phải góp là 22.000.000 đồng. Bị đơn có làm biên nhận và ký tên, lăn tay. Tổng cộng 03 lần cho vay tiền vốn là 80.260.000 đồng, bị đơn phải góp lại cho bà 95.000.000 đồng. Sau đó bị đơn đã trả góp cho bà được 45.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng. Bị đơn đã lập một biên nhận mới còn thiếu bà số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19/9/2017 (al) thỏa thuận trả góp một tháng 5.000.000 đồng với số tiền 85.000.000 đồng, đã trả góp được 06 lần 30.000.000 đồng còn lại 55.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2017 (al) bà cho vay tiếp 50.000.000 đồng do tin tưởng nên không làm biên nhận, thỏa thuận trả góp một tháng 5.000.000 đồng với số tiền góp là 85.000.000 đồng, đã trả được 06 lần 30.000.000 đồng còn lại 55.000.000 đồng. Số tiền này bà giao cho anh N, chị V tại nhà của bà.

Ngày 10/11/2017 (al) cho vay tiếp 50.000.000 đồng do tin tưởng nên không làm biên nhận, thỏa thuận trả góp một tháng 5.000.000 đồng với số tiền góp là 85.000.000 đồng, đã trả được 05 lần 25.000.000 đồng còn lại 60.000.000 đồng. Số tiền này bà giao cho anh N, chị V tại Sài Gòn.

Như vậy tổng cộng bà D, anh N, chị V còn thiếu 170.000.000 đồng. Sau khi chốt lại số nợ 170.000.000 đồng bà có đòi nhiều lần nhưng phía bị đơn cố tình không trả, sau đó anh N và chị V có làm "Tờ cam kết" hứa sẽ trả số tiền trên một tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (có ký tên và lăn tay) tuy nhiên sau đó phía bị đơn vẫn không trả cho bà số tiền nào như đã cam kết. Khi vay tiền bị đơn có thế chấp cho bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH cấp ngày 26/8/2004 cho Lê Phát Q, Nguyễn Thị D và hiện nay bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Nay bà Tôn Nữ Ánh H yêu cầu bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 170.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà Hiền xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà D, anh N, chị V có trách nhiệm trả số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H đồng ý trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đang giữ khi bị đơn trả hết tiền.

- Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà D, anh N và chị V nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm bà D, anh N, chị V vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm có yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, không đồng ý việc bản án sơ thẩm tuyên buộc trả lại cho bà H số tiền 120.000.000 đồng, các đồng bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ lại bà H 55.000.000 đồng, không thừa nhận có vay thêm của bà H 02 lần sau, mỗi lần 50.000.000 đồng, do những lần này không có làm giấy tờ vay mượn với bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện S đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Ánh H.

Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V có trách nhiệm trả cho bà Tôn Nữ Ánh H số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc bà Tôn Nữ Ánh Hiền có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Dúng, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH cấp ngày 26/8/2004 cho Lê Phát Q, Nguyễn Thị D.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 02/3/2020, các đồng bị đơn bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V kháng cáo xin xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đồng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: các đồng bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, Quyết định bị đơn phải trả lại cho bà H 120.000.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hiền đối với số tiền 50.000.000 đồng và buộc bà H phải trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH ngày 26/8/2004 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Lê Phát Q, bà Nguyễn Thị D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V kháng cáo làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung vụ án

Do chỗ quen biết nên bà H đã cho bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vay là 180.620.000 đồng, số tiền phải trả góp là 300.000.000 đồng. Để đảm bảo cho số tiền vay phía bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V có giao cho bà Hiền giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH cấp ngày 26/8/2004 do Lê Phát Q, Nguyễn Thị D đứng tên. Sau khi vay bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V đã trả được cho bà H số tiền 130.000.000 đồng, hiện còn nợ lại bà H 170.000.000 đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền còn nợ lại 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H đồng ý giảm bớt cho các đồng bị đơn 50.000.000 đồng chỉ yêu cầu trả lại số tiền 120.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết các đồng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt, nên không có lời trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V chỉ thừa nhận có vay của bà Hiền 03 lần tiền theo biên nhận các ngày 10/02/2016 al; 10/3/2016 al; 20/5/2016 al với tổng số tiền vốn gốc là 80.260.000 đồng, số tiền góp phải trả quy ra là 95.000.000 đồng, anh N, chị V đã trả cho bà H được 40.000.000 đồng còn nợ lại 55.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngoài các lần vay tiền nói trên thì không có vay tiền thêm của bà H lần nào nữa. Bà H cho rằng anh N, chị V vào ngày 10/10/2017 (al) vay tại nhà của bà H 50.000.000 đồng; ngày 10/11/2017 vay tại Sài Gòn 50.000.000 đồng, các lần vay này không làm biên nhận, là không đúng sự thật. Đề nghị xem xét lại.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của đồng bị đơn bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng;

Tuy anh N, chị V không thừa nhận có vay của bà H 02 lần tiền sau, mỗi lần 50.000.000 đồng tại các địa điểm nhà bà H, tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng anh N, chị V thừa nhận mình có viết tờ cam kết trả nợ cho bà H được lập vào ngày 19/4/2019, tờ cam kết do chính tay chị V viết ra, anh N, chị V đều đồng ý có ký tên, lăn tay xác nhận nợ với nội dung: "*Trước đây mẹ và vợ chồng tôi có vay của dì Tôn Nữ Ánh H số tiền 170.000.000 đồng. Sau khi hòa giải dì Tôn Nữ Ánh H đồng ý bớt 40.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 130.000.000 đồng nay vợ chồng tôi cam kết phải trả cho dì Tôn Nữ Ánh H mỗi tháng 7.000.000 đồng…….*" Theo nội dung biên nhận và tờ cam kết hoàn toàn phù hợp với trình bày của nguyên đơn và những chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Việc anh N nại ra không có vay tiền thêm của bà Hiền 100.000.000 đồng trong 02 lần sau là không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận. Tại đơn khởi kiện bà H có yêu cầu đồng bị đơn phải trả lại 170.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà chỉ yêu cầu trả 120.000.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn. Cấp sơ thẩm đã xét xử tuyên trả 120.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Xét về trách nhiệm liên đới, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà H để buộc bà D, anh N, chị V phải cùng có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 120.000.000 đồng là chưa đúng với nội dung vụ án. Bà D, anh N, chị V chỉ thừa

nhận trong 03 lần vay tiền có biên nhận với tổng số tiền 80.260.000 đồng, số tiền góp phải trả quy ra là 95.000.000 đồng là có sự tham gia của bà D ký tên và nhận tiền. Các lần vay sau không có bà D, bản thân bà H cũng thừa nhận hai lần vay sau với số tiền 100.000.000 đồng là bà đưa trực tiếp cho N, V không có mặt bà D. Như vậy nếu buộc bà D cùng có trách nhiệm với anh N, bà V trả cho bà H số tiền 120.000.000 đồng là thiệt thòi đến quyền lợi của bà D. Bà D chỉ phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh N, chị V trả cho bà H số tiền 55.000.000 đồng còn nợ lại của 03 lần vay trước có làm biên nhận là hoàn toàn phù hợp.

Đối với việc vay tiền thì phía bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn một chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH cấp ngày 26/8/2004 do Lê Phát Q, Nguyễn Thị D đứng tên và hiện nay nguyên đơn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Xét thấy, việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là trái với quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là có căn cứ. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện do Lê Phát Q, Nguyễn Thị D đứng tên, ông Lê Phát Q đã chết, bà D là người trực tiếp đem giấy thế chấp cho bà H, nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bà H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V là không đúng. Trong trường hợp này chỉ tuyên buộc bà H trả lại giấy cho bà Nguyễn Thị D mới phù hợp.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V, cần phải sửa án bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dúng, anh N, chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên Bà D, anh N, chị V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Ánh H.

Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V có trách nhiệm trả cho bà Tôn Nữ Ánh Hiền số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Buộc anh Lê Văn N, chị Lao Thị V có trách nhiệm trả cho bà Tôn Nữ Ánh H số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Buộc bà Tôn Nữ Ánh H có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị D, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05743QSDĐ/hH cấp ngày 26/8/2004 do ông Lê Phát Q, bà Nguyễn Thị D đứng tên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Ánh H đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V cùng phải chịu 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Văn N, chị Lao Thị V cùng phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Tôn Nữ Ánh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000387 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị D, anh Lê Văn N, chị Lao Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000902 ngày 23/4/2020; Anh Lê Văn N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000903 ngày 23/4/2020; Chị Lao Thị V số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000904 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THA-DS huyện Thoại Sơn;
- Phòng KTNV &THA;
- Tòa Dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tấn Tài